

2026

# Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY  
1 THÁNG 1 NĂM 2026



# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1<sub>A</sub>** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1<sub>B</sub>** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc "chuyên khoa" dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống "chuyên khoa" hoặc "bệnh máu khó đông" của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống "chuyên khoa" hoặc "bệnh máu khó đông" của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

#### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Anorexiant Non-Amphetamine</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl</i> <i>CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TB24</i> <i>18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TB24</i> <i>36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate</i> <i>PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
Allergenic Extracts		
<i>GRASTEK SUBL</i>	3	PA
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate</i> <i>SOLN 1</i> <i>GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
<i>ARIKAYCE</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin in saline 0.8</i> <i>MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-</i> <i>0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6</i> <i>MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40</i> <i>MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate</i> <i>TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate</i> <i>SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
<i>RINVOQ LQ SOLN</i>	4	QL(12 ML daily); PA
<i>RINVOQ TB24</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>XELJANZ XR TB24</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>XELJANZ SOLN</i>	4	QL(20 ML daily); PA
<i>XELJANZ TABS 5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>XELJANZ TABS 10 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
<i>ADALIMUMAB-AATY (1</i> <i>PEN) AJKT</i>	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ADALIMUMAB-AATY (2</i> <i>PEN) AJKT</i>	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ADALIMUMAB-AATY (2</i> <i>SYRINGE) PSKT</i>	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ADALIMUMAB-AATY</i> <i>CD/UC/HS START AJKT</i> <i>80 MG/0.8ML</i>	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ADALIMUMAB-ADAZ</i> <i>SOAJ</i>	4	QL(0.143 ML daily); PA
<i>ADALIMUMAB-ADAZ</i> <i>SOSY</i>	4	QL(0.143 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	Gold Compounds		
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
SIMPONI ARIA SOLN	4	PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A		OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B		<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen.; QL(5 EA daily); ST	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>nabumetone</i>	1B		ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B		ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA	<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<i>naproxen TABS</i>	1B		<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>sulindac TABS</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B		<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B		<b>Salicylates</b>		
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>			<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA			
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA			
OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>			<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
<b>Opioid Agonists</b>			<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ ( <i>methadone hcl</i> )	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS</i>	1A	
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA			
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<b>Opioid Combinations</b>			<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<b>Opioid Partial Agonists</b>		
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	3	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
<b>ANTIAXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
<b>ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Leukotriene Modulators			<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)	BREO ELLIPTA ( <i>fluticasone furoate-vilanterol</i> )	2	
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)	BREO ELLIPTA	2	
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA	COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			DULERA	2	
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
Steroid Inhalants			<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
ALVESCO	3	PA	<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT ( <i>fluticasone furoate (inhalation)</i> )	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA	<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B		<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 GM daily)
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)	PROAIR DIGIHALER	3	
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2		PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
QVAR REDIHALER	2		SEREVENT DISKUS	2	
Sympathomimetics			STIOLTO RESPIMAT	2	
AIRDUO DIGIHALER	3		STRIVERDI RESPIMAT	2	
AIRSUPRA	3		<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B		TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		Xanthines		
			<i>theophylline ELIX</i>	1B	
			<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ML daily)
			<i>theophylline TB12</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>theophylline TB24</i>	1B	
<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML ( <i>rivaroxaban</i> )	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	3	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	3	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	3	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	3	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	3	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	3	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	3	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	3	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	3	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	3	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	3	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A		DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	2	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	2	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	2	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	2	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST
<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA
TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2	
TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2	
DILANTIN	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2	
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2	
DILANTIN SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
GABA Receptor Modulator - Neuroactive Steroid		
ZURZUVAE	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>		
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
<b>Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)</b>		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	
<b>Serotonin Modulators</b>		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)</b>		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
<b>Tricyclic Agents</b>		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>		
<b>Alpha-Glucosidase Inhibitors</b>		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
<b>Antidiabetic Combinations</b>		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)	XIGDUO XR ( <i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i> )	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	XIGDUO XR ( <i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i> )	2	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)	<b>Biguanides</b>		
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	QL(5 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	QL(2.5 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<b>Diabetic Other</b>		
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>diazoxide</i>	3	
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	QL(0.035 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>		
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
			<b>Incretin Mimetic Agents</b>		
			<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
<b>Insulin</b>		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	
NOVOLOG SOLN IJ	1B	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	
TRESIBA SOLN	2	
<b>Insulin Sensitizing Agents</b>		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<b>Meglitinide Analogues</b>		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<b>Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors</b>		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA ( <i>dapagliflozin propanediol</i> )	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
<b>Sulfonylureas</b>		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
<b>Antiperistaltic Agents</b>		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1A	
VIVITROL	1A	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>			<i>loratadine CHEW</i>	1B	
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>fluconazole SUSR</i>	1B		<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>fluconazole TABS</i>	1B		<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	QUZYTIR SOLN IV	3	PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA	XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML	2	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>ketoconazole</i>	1B		<b>Antihistamines - Phenothiazines</b>		
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
TOLSURA CAPS	3	PA	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>			<b>Antihistamines - Piperidines</b>		
<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>			<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		<b>Antihyperlipidemics - Combinations</b>		
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A		<b>Antihyperlipidemics - Misc.</b>		
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ML daily)	<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 EA daily)
<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>			<b>Bile Acid Sequestrants</b>		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	2	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	2	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	2	QL(0.0714 ML daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST	<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1A	QL(1 EA daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1A	
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<b>Antiadrenergic Antihypertensives</b>			<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	QL(8 EA daily)	<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>doxazosin mesylate</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<b>Antihypertensive Combinations</b>			<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1B				
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B				
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)			
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B				
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	3	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<b>Urinary Anti-infectives</b>		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
<b>Antimyasthenic/Cholinergic Agents</b>		
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
<b>Antimycobacterial Agents</b>		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>		
Alkylating Agents		
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	3	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG ( <i>lomustine</i> )	3	PA
GLEOSTINE 10 MG ( <i>lomustine</i> )	3	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	3	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	3	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>lomustine 10 MG</i>	3	SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	3	PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	3	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	3	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	3	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	3	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	3	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	3	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	3	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	3	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	3	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	3	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	<b>Antineoplastic - Hormonal and Related Agents</b>		
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
MVASI	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)
ZIRABEV	4	PA	<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
<b>Antineoplastic - Antibodies</b>			ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
LOQTORZI	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	3	QL(1 EA daily); SP
<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>			FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
<b>Antineoplastic - EGFR Inhibitors</b>			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 EA daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors</b>		
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA	DAURISMO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
ORGOVYX	4	PA	<b>Antineoplastic Enzyme Inhibitors</b>		
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA
<i>toremifene citrate</i>	1B		<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	BOORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<b>Antineoplastic - Immunomodulators</b>			IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
<b>Antineoplastic Antibiotics</b>			ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	3	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dactinomycin</i>	3	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	3	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	3	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	3	PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	3	SP; PA	KYPROLIS	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
<b>Antineoplastic Combinations</b>					
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
MEKINIST SOLR	4	QL(40 ML daily); PA	XOSPATA	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(2 EA daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	<b>Antineoplastics Misc.</b>		
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	MATULANE	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	NIPENT	3	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	3	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	UVADEX	3	SP; PA
TAFINLAR TBSO	4	QL(30 EA daily); PA	<b>Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents</b>		
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
TAZVERIK	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	VORAXAZE	4	SP; PA
TURALIO 125 MG	4	PA	<b>Mitotic Inhibitors</b>		
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
			<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
			ETOPOPHOS	4	SP; PA
			<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
			<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>vincristine sulfate</i>	3	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	3	SP; PA	NEUPRO	2	
Topoisomerase I Inhibitors			<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	3	SP; PA	<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4		<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4		<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>					
Antiparkinson Adjunctive Therapy					
<i>carbidopa</i>	1B		Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
Antiparkinson Anticholinergics			<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B		<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B		<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B		<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>		
Antiparkinson COMT Inhibitors			Antimanic Agents		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>lithium</i>	1B	
<i>tolcapone</i>	1B		<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics			<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B		<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B		Antipsychotics - Misc.		
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B		EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B		EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B		<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Benzisoxazoles</b>		
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>paliperidone</i>	1B	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	
<b>Butyrophenones</b>		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
<b>Dibenzapines</b>		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
<b>Phenothiazines</b>		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<b>Quinolinone Derivatives</b>		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
<b>Thioxanthenes</b>		
<i>thiothixene</i>	1B	
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>		
<b>Antiretrovirals</b>		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
CABENUVA	3		GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG ( <i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i> )	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B		ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	3		JULUCA	3	QL(1 EA daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)	KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
			ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
			PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
			PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
			PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
			PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
			RETROVIR SOLN	3	
			<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
			SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
SYMTUZA	3	
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY PD TBSO	3	
TIVICAY TABS 50 MG	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ PD TBSO	3	
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<b>CMV Agents</b>		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<b>Hepatitis Agents</b>		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
<b>Herpes Agents</b>		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<b>Influenza Agents</b>		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Alpha-Beta Blockers</b>		
<i>carvedilol</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
<i>HEMANGEOL SOLN PO</i>	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Calcium Channel Blockers</b>		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
<b>Cardiac Glycosides</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ ( <i>digoxin</i> )	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG ( <i>digoxin</i> )	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG ( <i>bosentan</i> )	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Cephalosporins - 1st Generation		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IJ 1 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Combination Contraceptives - Oral		
AVERI TABS PO	0	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethindrone acet &amp; eth estra TABS</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail; 9 EA per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
Copper Contraceptives - IUD		
MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	0	
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Implants		
NEXPLANON	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - IUD		
KYLEENA	0	
LILETTA (52 MG)	0	
MIRENA (52 MG)	0	
SKYLA	0	
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 EA daily)
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>deflazacort TABS</i>	3	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPk</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBPk</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPk</i>	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetate SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
<b>Mineralocorticoids</b>		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		
<b>Antitussives</b>		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<b>Cough/Cold/Allergy Combinations</b>		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
<b>Misc. Respiratory Inhalants</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
<b>Mucolytics</b>		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		
<b>Acne Products</b>		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<b>Antibiotics - Topical</b>		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<b>Antifungals - Topical</b>		
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>			<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)	<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
			ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
			<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
			<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<b>Antiseborrheic Products</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<b>Antivirals - Topical</b>		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
<b>Burn Products</b>		
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
SULFAMYLON CREA	3	
<b>Corticosteroids - Topical</b>		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide OINT</i>	3	
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(118.28 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
			<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
			<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
			HALOG OINT	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B		DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	<b>Emollients</b>		
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<b>Enzymes - Topical</b>		
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B		SANTYL OINT	3	PA
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B		<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)	<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)	<b>Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents</b>		
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)	<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)	<b>Local Anesthetics - Topical</b>		
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B		<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)	<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<b>Eczema Agents</b>			<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA	<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical</b>		
			EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
			<b>Rosacea Agents</b>		
			<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
			<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
<b>Diagnostic Drugs</b>		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<b>Diagnostic Tests</b>		
CHEMSTRIP K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	
KETONE TEST STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	
PRECISION XTRA KETONE	1B	
RELION KETONE TEST STRP	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>		
<b>Digestive Enzymes</b>		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>		
<b>Carbonic Anhydrase Inhibitors</b>		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<b>Diuretic Combinations</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A	
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1A	
<b>Loop Diuretics</b>		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1A	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ML daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>		
<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Hormones</b>		
<b>Bone Density Regulators</b>		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	3	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	3	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<b>Corticotropin</b>		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
<b>Fertility Regulators</b>		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
<b>GnRH/LHRH Antagonists</b>		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
<b>Growth Hormones</b>		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
<b>Hormone Receptor Modulators</b>		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
<b>Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)</b>		
INCRELEX	4	SP; PA
<b>LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants</b>		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	3	SP; PA
<b>Metabolic Modifiers</b>		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	3	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
<b>Posterior Pituitary Hormones</b>		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	3	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<b>Prolactin Inhibitors</b>		
<i>cabergoline</i>	1B	
<b>Somatostatic Agents</b>		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
<b>Vasopressin Receptor Antagonists</b>		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
<b>Estrogen Combinations</b>		
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens &amp; methyltestosterone</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol &amp; norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
<b>Estrogens</b>		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG ( <i>estrogens, conjugated</i> )	2	QL(1 EA daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Fluoroquinolones</b>		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
<b>5-HT4 Receptor Agonists</b>		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<b>Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)</b>		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
<b>Gallstone Solubilizing Agents</b>		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
<b>Gastrointestinal Chloride Channel Activators</b>		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
<b>Gastrointestinal Stimulants</b>		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
<b>Inflammatory Bowel Agents</b>		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<b>Intestinal Acidifiers</b>		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
<b>Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents</b>		
<i>alose tron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
<b>Peripheral Opioid Receptor Antagonists</b>		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
<b>Phosphate Binder Agents</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
<b>Alkalinizers</b>		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1B	RX/OTC
<b>Cystinosis Agents</b>		
CYSTAGON CAPS	3	PA
<b>Genitourinary Irrigants</b>		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
<b>Interstitial Cystitis Agents</b>		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
<b>Prostatic Hypertrophy Agents</b>		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1B	
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine</i> TABS	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate</i> SOSY	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	3	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	3	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
<i>miglustat</i>	3	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ</i> 1000 MCG/ML	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid</i> TABS	0	RX/OTC
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eltrombopag olamine</i> PACK 12.5 MG, 25 MG	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine</i> TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	3	QL(1 EA daily); PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN</i> 15 MG/ML, 15 MG/ML	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS</i> 325 MG, 65 MG, 325 MG	0	
<i>ferrous sulfate TBEC</i> 325 MG	0	
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN</i> 1000 MG/10ML	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate- ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb- sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS 200 MG ( <i>fidaxomicin</i> )	2	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B	
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0	
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	
KIMONO PLUS MISC	0	
KIMONO PS PLUS MISC	0	
KIMONO PS MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KIMONO SENSATION MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
KIMONO MISC	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	
MAXX PLUS MISC	0		TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	
MAXX MISC	0		TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
TROJAN BARESKIN DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TROJAN ULTRA THIN MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0		<b>Diabetic Supplies</b>		
TRUE COVER DEVI	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0				
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
RELION LANCETS	1B	RX/OTC
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 30 EA per 90 days mail); ST
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>		
<b>Bicarbonates</b>		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1B	
<b>Calcium</b>		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
<b>Electrolyte Mixtures</b>		
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B	
ISOLYTE-P IN D5W	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
NORMOSOL-M IN D5W	1B	
NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B		<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
			<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>ringer's</i>	1B		THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Fluoride			Immunosuppressive Agents		
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)	ATGAM	4	SP; PA
Phosphate			AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B		<i>azathioprine TABS</i>	1B	
Potassium			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 %</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>			PROGRAF PACK	2	PA
Chelating Agents			PROGRAF SOLN 5 MG/ML ( <i>tacrolimus</i> )	2	
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	SIMULECT	3	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	3	QL(8 EA daily); SP; PA	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
Immunomodulators			<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
			THYMOGLOBULIN	3	SP; PA
			Irrigation Solutions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<b>Potassium Removing Agents</b>		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP PR 30 GM/120ML</i>	1B	
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>		
<b>Anesthetics Topical Oral</b>		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<b>Anti-infectives - Throat</b>		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
<b>Antiseptics - Mouth/Throat</b>		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
<b>Dental Products</b>		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
<b>Steroids - Mouth/Throat/Dental</b>		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
<b>Throat Products - Misc.</b>		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
<b>MULTIVITAMINS</b>		
Ped MV w/ Fluoride		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
<b>Prenatal Vitamins</b>		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>		
Central Muscle Relaxants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ML daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIFLOXACIN HCL 0.6 %	3	PA
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>difluprednate</i>	1B	PA	<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B		<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA	CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA	<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA	<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate-tobramycin</i>	1B	PA	<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
MAXIDEX SUSP OP	3	PA	<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B		<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B		LASTACAFT	3	PA
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)	NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
PRED MILD	3	PA	<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B		<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3		Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA	<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B		<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
ZYLET	3	PA	<i>tafluprost</i>	1B	
Ophthalmic Surgical Aids			<i>travoprost SOLN</i>	1B	
HEALON PRO SOSY	3	PA	<b>OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear</b>		
PROVISC SOSY	3	PA	Otic Agents - Miscellaneous		
Ophthalmics - Misc.			<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
ALOCRIAL	3	PA	Otic Anti-infectives		
ALOMIDE	3	PA	<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B		<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA	Otic Combinations		
<i>brinzolamide</i>	1B		<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
			<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
			CORTISPORIN-TC	3	
			<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
<b>PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System</b>		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
<b>Combination Psychotherapeutics</b>		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
<b>Fibromyalgia Agents</b>		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
<b>Movement Disorder Drug Therapy</b>		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<b>Multiple Sclerosis Agents</b>		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY IM	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
<b>Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents</b>		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<b>Pseudobulbar Affect (PBA) Agents</b>		
NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
<b>Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.</b>		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Smoking Deterrents</b>		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Sulfonamides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEKITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS ( <i>levothyroxine sodium</i> )	2	
<b>TOXOIDS</b>		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ</i> 0.25 MG/5ML	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl- clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ</i> 4 MG/20ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glycopyrrolate TABS</i> 1 MG	1B	
<i>glycopyrrolate TABS</i> 2 MG	1B	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
<b>H-2 Antagonists</b>		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS</i> 20 MG, 40 MG	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS</i> 150 MG	1B	
<b>Misc. Anti-Ulcer</b>		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<b>Proton Pump Inhibitors</b>		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR</i> 20 MG	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR</i> 40 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR</i> 15 MG	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR</i> 30 MG	1B	
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC</i> 20 MG	1B	QL(1 EA daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>bismuth subcitrate potassium-metronidazole-tetracycline</i>	3	
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
<b>VACCINES</b>		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO 0.5 ML	0	
CAPVAXIVE	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI 0.5 ML	0	
MENVEO SOLN	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PENBRAYA	0	
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0		FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AUDENZ EMUL	0		FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AUDENZ PRSY	0		FLULAVAL SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0		FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSP	0		FLUMIST QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSY	0		FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
DENGVAXIA	0		FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUARIX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail	PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
IPOL IJ	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
JYNNEOS	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	ROTARIX SUSP	0	
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0		ROTATEQ SOLN	0	
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0		SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0		SPIKEVAX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX SUSY	0	
MRESVIA	0		TWINRIX SUSY	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		VAQTA	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0		VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0		<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0		<b>Spermicides</b>		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		<b>Vaginal Anti-infectives</b>		
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
			GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
			<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
			<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
			<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated February 2026

# INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	27	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML .....	41	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	34
abacavir sulfate TABS .....	27	ACTHAR GEL .....	41	adefovir dipivoxil .....	29
abacavir sulfate-lamivudine .....	27	ACTHIB SOLR IM .....	60	ADEMPAS .....	31
abiraterone acetate 250 MG .....	23	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML .....	25	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ....	58
abiraterone acetate 500 MG .....	23	acyclovir CAPS .....	29	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY .....	60
ABRYSVO .....	60	acyclovir SUSP .....	29	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 60	
acamprosate calcium .....	56	acyclovir TABS PO .....	29	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML .....	61
acarbose .....	13	acyclovir topical CREA .....	37	AFLURIA SUSP .....	61
acebutolol hcl CAPS .....	30	acyclovir topical OINT .....	37	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT .....	45
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP .....	59	AIMOVIG .....	49
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML .....	59	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	47
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT . 2		AIRDUO DIGIHALER .....	9
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 2		AIRSUPRA .....	9
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG ....	6	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT .....	2	AKYNZEO .....	16
acetazolamide CP12 .....	40	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML .....	2	albendazole .....	7
acetazolamide sodium .....	40	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	2	albuterol sulfate AERS .....	9
acetazolamide TABS 125 MG .....	40	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	2	albuterol sulfate NEBU .....	9
acetazolamide TABS 250 MG .....	40	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		albuterol sulfate SYRP .....	9
acetic acid (otic) .....	55	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT .....	3	albuterol sulfate TABS .....	9
acetic acid 0.25 % .....	44	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT .....	3	alclometasone dipropionate CREA 37	
acetylcysteine SOLN .....	34	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT .....	3	alclometasone dipropionate OINT .37	
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	36	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT .....	3	ALDURAZYME .....	42
acitretin 25 MG .....	36	adapalene CREA .....	34	ALECENSA .....	24
ACTEMRA ACTPEN SOAJ .....	3	adapalene GEL .....	34	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	41
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML .....	3			alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	41
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML .....	3				
ACTEMRA SOSY .....	3				

alfuzosin hcl	44	amiloride & hydrochlorothiazide	41	amphetamine sulfate TABS	1
ALINIA SUSR	20	amiloride hcl TABS	41	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1
aliskiren fumarate	20	aminocaproic acid TABS	46	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	45	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML	8	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	49	amiodarone hcl TABS	8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	49	amitriptyline hcl TABS	13	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
ALOCRIL	55	amlodipine besylate TABS	30	amphotericin b IV	16
alogliptin benzoate	14	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	31	ampicillin CAPS 500 MG	56
alogliptin-metformin hcl	13	amlodipine besylate-benazepril hcl	19	ampicillin sodium IV 10 GM	56
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	13	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	19	anagrelide hcl	45
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	13	amlodipine besylate-valsartan	19	anastrozole	23
ALOMIDE	55	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	19	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
alosetron hcl	44	amoxapine	13	ANGELIQ	42
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate CHEW	56	ANNOVERA	33
alprazolam TABS 2 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	56	ANZEMET TABS 50 MG	16
alprazolam TB24	8	amoxicillin & pot clavulanate TABS	56	APIDRA SOLN	15
alprazolam TBDP	8	amoxicillin & pot clavulanate TB12	56	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
ALTABAX	35	amoxicillin CAPS	56	apomorphine hydrochloride SOCT	26
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	56	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	16
alvimopan	44	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	56	aprepitant CAPS 80 MG	16
amantadine hcl CAPS	26	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	56	aprepitant CAPS	16
amantadine hcl SOLN	26	amoxicillin TABS	56	APTIVUS CAPS	27
amantadine hcl TABS	26	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	60	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	45
ambrisentan	31			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY	
amcinonide CREA	37				
amcinonide OINT	37				
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2				

150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	45	MG .....	1	balsalazide disodium CAPS .....	43
ARCALYST .....	3	atorvastatin calcium TABS .....	18	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
AREXVY .....	61	atovaquone .....	20	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
arformoterol tartrate .....	9	atovaquone-proguanil hcl .....	21	BAXDELA SOLR .....	43
ARIKAYCE .....	2	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML .....	54	BAXDELA TABS .....	43
aripiprazole SOLN PO .....	27	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	59	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 49	
aripiprazole TABS .....	27	ATROVENT HFA .....	8	BELSOMRA .....	46
armodafinil .....	1	AUDENZ EMUL .....	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	19
ARMOUR THYROID TABS .....	58	AUDENZ PRSY .....	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	19
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation)) ....	9	AURANOFIN 3 MG .....	3	benazepril hcl .....	18
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	25	AUSTEDO TABS .....	57	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 34	
ARZERRA .....	23	avanafil .....	31	BENZEPRO FOAM 5.3 % .....	34
ascorbic acid SOLN IJ .....	63	AVERI TABS PO .....	32	benzonatate 100 MG .....	34
asenapine maleate 2.5 MG .....	27	AVONEX PEN AJKT .....	57	benzonatate 150 MG .....	34
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	27	AVONEX PREFILLED PSKT .....	57	benzonatate 200 MG .....	34
aspirin CHEW .....	4	azacitidine SUSR .....	22	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....	34
aspirin TABS 325 MG .....	5	AZATHIOPRINE SODIUM .....	51	benzoyl peroxide GEL 10 % .....	34
aspirin TBEC 325 MG .....	5	azathioprine TABS .....	51	benzoyl peroxide GEL 5 % .....	34
aspirin TBEC 81 MG .....	5	azelaic acid GEL .....	39	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .	34
aspirin-dipyridamole .....	45	azelastine hcl (ophth) .....	55	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 34	
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	28	azelastine hcl .....	53	benztropine mesylate TABS .....	26
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	28	azithromycin PACK .....	47	bepotastine besilate .....	55
atenolol & chlorthalidone .....	19	azithromycin SUSR .....	47	BESIFLOXACIN HCL 0.6 % .....	54
atenolol TABS .....	30	azithromycin TABS 250 MG .....	47	BESIVANCE .....	54
ATGAM .....	51	azithromycin TABS 500 MG .....	47	betaine .....	42
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG .....	1	azithromycin TABS 600 MG .....	47		
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100		aztreonam 1 GM .....	20		
		bacitracin (ophthalmic) .....	54		
		baclofen TABS .....	53		

betamethasone dipropionate (topical) CREA .....	37	bismuth subcitrate potassium- metronidazole-tetracycline .....	60	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	41
betamethasone dipropionate (topical) LOTN .....	37	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	19	bumetanide TABS .....	41
betamethasone dipropionate (topical) OINT .....	37	bisoprolol fumarate .....	30	buprenorphine hcl SOLN .....	7
betamethasone dipropionate augmented CREA .....	37	bleomycin sulfate 15 UNIT .....	24	buprenorphine hcl SUBL .....	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN .....	38	BOOSTRIX SUSP .....	59	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG .....	6
betamethasone dipropionate augmented OINT .....	38	BOOSTRIX SUSY .....	59	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG ....	7
betamethasone valerate CREA ...	38	bortezomib SOLR IJ .....	24	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL .....	7
betamethasone valerate FOAM ...	38	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	24	buprenorphine PTWK .....	7
betamethasone valerate LOTN ...	38	bosentan TABS 125 MG .....	31	bupropion hcl (smoking deterrent) ..	58
betamethasone valerate OINT ...	38	bosentan TABS 62.5 MG .....	31	bupropion hcl TABS .....	12
BETASERON KIT .....	57	bosentan TBSO 32 MG .....	31	bupropion hcl TB12 .....	12
betaxolol hcl (ophth) SOLN .....	54	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol) .....	9	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG .....	12
betaxolol hcl .....	30	BREO ELLIPTA .....	9	buspirone hcl 5 MG .....	8
bethanechol chloride 25 MG .....	60	BREZTRI AEROSPHERE .....	9	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG .....	8
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG .....	60	brimonidine tartrate (topical) .....	39	busulfan SOLN .....	22
bexarotene (topical) .....	36	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % ..	54	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG .....	4
bexarotene .....	25	brimonidine tartrate-timolol maleate .	54	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....	4
BEXSERO 0.5 ML .....	60	brinzolamide .....	55	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4
BEYFORTUS .....	56	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	11	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4
bicalutamide .....	23	bromfenac sodium (ophth) .....	55	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	6
BIJUVA .....	42	bromocriptine mesylate CAPS ....	26	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....	6
BIKTARVY .....	28	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG .....	26	budesonide (inhalation) SUSP .....	9
bimatoprost SOLN .....	55	budesonide (intrarectal) .....	7	budesonide (nasal) .....	53
bisacodyl SUPP .....	47	budesonide (nasal) .....	53	budesonide CPEP .....	33
bisacodyl TBEC .....	47	budesonide CPEP .....	33	budesonide-formoterol fumarate dihydrate .....	9

butalbital-aspirin-caffeine CAPS . . . . 4	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG . 18	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG . . . . . 32
butalbital-aspirin-caffeine w/cod . . . . 6	CAPVAXIVE . . . . . 60	cefdinir CAPS . . . . . 32
butenafine hcl . . . . . 35	carbamazepine CHEW 100 MG . . . 11	cefdinir SUSR . . . . . 32
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML . . . . . 7	carbamazepine CP12 100 MG . . . . 11	cefepime hcl SOLR IJ 1 GM . . . . . 32
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML . 7	carbamazepine CP12 200 MG . . . . 11	cefixime CAPS . . . . . 32
CABENUVA . . . . . 28	carbamazepine CP12 300 MG . . . . 11	cefixime SUSR . . . . . 32
cabergoline . . . . . 42	carbamazepine SUSP . . . . . 11	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM 32
CABOMETYX TABS . . . . . 24	carbamazepine TABS . . . . . 11	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM . . . 32
calcipotriene CREA . . . . . 36	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG . . . . . 11	cefpodoxime proxetil SUSR . . . . . 32
calcipotriene OINT . . . . . 36	carbamazepine TB12 200 MG . . . . 11	cefpodoxime proxetil TABS . . . . . 32
calcipotriene SOLN . . . . . 36	carbidopa . . . . . 26	cefprozil SUSR . . . . . 32
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT . . . . . 38	carbidopa-levodopa TABS . . . . . 26	cefprozil TABS . . . . . 32
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP . . . . . 38	carbidopa-levodopa TBCR . . . . . 26	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM . . . . . 32
calcitonin (salmon) NA . . . . . 41	carbidopa-levodopa TBDP . . . . . 26	cefuroxime axetil TABS . . . . . 32
calcitriol (topical) . . . . . 36	carbidopa-levodopa-entacapone . 26	cefuroxime sodium IJ 750 MG . . . . 32
calcitriol CAPS . . . . . 42	carbinoxamine maleate SOLN . . . . 17	celecoxib . . . . . 3
calcitriol SOLN IV . . . . . 42	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 17	cephalexin CAPS . . . . . 32
calcium acetate (phosphate binder) CAPS . . . . . 44	carisoprodol TABS . . . . . 53	cephalexin SUSR . . . . . 32
calcium acetate (phosphate binder) TABS . . . . . 44	carmustine . . . . . 22	CERDELGA . . . . . 45
calcium chloride (dihydrate) SOLN 50	carteolol hcl (ophth) . . . . . 54	cetirizine hcl TABS . . . . . 17
calcium polycarbophil TABS . . . . . 46	carvedilol . . . . . 29	cevimeline hcl . . . . . 52
candesartan cilexetil . . . . . 18	carvedilol phosphate . . . . . 30	CHEMET . . . . . 16
candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide . . . . . 19	CAYA DPRH . . . . . 47	CHEMSTRIP K STRP . . . . . 40
capecitabine . . . . . 22	CAYSTON . . . . . 20	chloramphenicol sodium succinate 20
CAPRELSA . . . . . 24	cefaclor CAPS . . . . . 32	chlordiazepoxide hcl CAPS . . . . . 8
captopril 12.5 MG . . . . . 18	cefaclor SUSR 250 MG/5ML . . . . 32	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide . . . . . 59
	cefadroxil CAPS . . . . . 32	chlordiazepoxide-amitriptyline . . . . 57
	cefadroxil SUSR . . . . . 32	chlorhexidine gluconate (mouth-
	cefadroxil TABS . . . . . 32	

throat) .....	52	ciprofloxacin hcl (otic) .....	55	MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	20
chloroquine phosphate TABS 250 MG .....	21	ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG .....	43	clindamycin phosphate vaginal CREA .....	62
chloroquine phosphate TABS 500 MG .....	21	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 43		clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	35
chlorpromazine hcl SOLN .....	27	ciprofloxacin-dexamethasone .....	55	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	35
chlorpromazine hcl TABS .....	27	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 55		clindamycin phosphate-tretinoin ..	35
chlorthalidone 25 MG, 50 MG .....	41	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	22	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .	54
chlorzoxazone TABS 500 MG .....	53	citalopram hydrobromide SOLN ...	13	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	54
chlorzoxazone TABS 750 MG .....	53	citalopram hydrobromide TABS ...	13	clobazam SUSP .....	10
cholecalciferol CAPS .....	63	clarithromycin SUSR .....	47	clobazam TABS .....	11
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....	63	clarithromycin TABS .....	47	clobetasol propionate CREA 0.05 % . 38	
cholestyramine light PACK .....	17	clarithromycin TB24 .....	47	clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....	38
cholestyramine light POWD .....	17	CLASSIC PRENATAL TABS .....	52	clobetasol propionate FOAM .....	38
cholestyramine PACK .....	18	clemastine fumarate SYRP .....	17	clobetasol propionate GEL 0.05 %	38
cholestyramine POWD .....	18	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 17		clobetasol propionate OINT 0.05 % 38	
choline fenofibrate .....	18	CLIMARA PRO .....	42	clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 38	
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 41		clindamycin hcl .....	20	clocortolone pivalate .....	38
ciclopirox GEL .....	35	clindamycin palmitate hydrochloride . 20		clofarabine .....	22
ciclopirox olamine CREA .....	35	clindamycin phosphate (topical) FOAM .....	34	clomiphene citrate TABS .....	42
ciclopirox olamine SUSP .....	35	clindamycin phosphate (topical) GEL 34		clomipramine hcl .....	13
ciclopirox SHAM .....	35	clindamycin phosphate (topical) LOTN .....	34	clonazepam TABS .....	11
ciclopirox SOLN .....	35	clindamycin phosphate (topical) SOLN .....	34	clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1
cidofovir .....	29	clindamycin phosphate (topical) SWAB .....	35	clonidine hcl TABS .....	19
cilostazol .....	45	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600		clonidine PTWK .....	19
CIMDUO .....	28			clopidogrel bisulfate 300 MG .....	45
cimetidine TABS .....	59			clopidogrel bisulfate 75 MG .....	45
cinacalcet hcl .....	42				
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN .....	54				

clorazepate dipotassium TABS .....	8	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML .....	61	cyclosporine (ophth) EMUL .....	54
clotrimazole (topical) CREA .....	35	COMIRNATY SUSP .....	61	cyclosporine CAPS .....	51
clotrimazole (topical) SOLN .....	35	COMIRNATY SUSY .....	61	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS .....	51
clotrimazole .....	52	COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate) .....	28	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....	51
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	62	CORDRAN TAPE .....	38	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	51
clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	35	CORTISPORIN-TC .....	55	cyproheptadine hcl SYRP .....	17
clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	35	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .	36	cyproheptadine hcl TABS .....	17
clozapine TABS .....	27	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ .....	36	CYSTAGON CAPS .....	44
clozapine TBDP 100 MG .....	27	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	37	CYSTARAN .....	55
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 27		COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	37	dabigatran etexilate mesylate CAPS .	10
clozapine TBDP 25 MG .....	27	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	37	dactinomycin .....	24
COARTEM .....	21	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	37	dalfampridine .....	57
codeine sulfate TABS 30 MG .....	5	CREON CPEP .....	40	danazol CAPS .....	7
CODEINE SULFATE TABS .....	5	CRESEMBA CAPS 186 MG .....	17	dantrolene sodium CAPS .....	53
colchicine TABS .....	45	cromolyn sodium (ophth) .....	55	dapagliflozin propanediol .....	15
colchicine w/ probenecid .....	45	cromolyn sodium NEBU .....	8	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG .....	14
colesevelam hcl PACK .....	18	crotamiton LOTN .....	40	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG .....	14
colesevelam hcl TABS .....	18	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....	52	dapsone .....	20
colestipol hcl GRAN .....	18	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....	45	DAPTACEL .....	59
colestipol hcl PACK .....	18	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG .....	53	daptomycin 500 MG .....	20
colestipol hcl TABS .....	18	cyclophosphamide CAPS .....	22	darifenacin hydrobromide .....	60
COMBIPATCH PTTW .....	42	cyclophosphamide SOLR IJ .....	22	darunavir TABS .....	28
COMBIVENT RESPIMAT AERS ....	9	cycloserine .....	21	dasatinib .....	24
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT .....	24			DAURISMO .....	23
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT .....	24			decitabine .....	22
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT .....	24			deferasirox PACK .....	16
				deferasirox TABS .....	16

deferasirox TBSO .....	16	desoximetasone GEL .....	38	diazoxide .....	14
deflazacort TABS .....	33	desoximetasone OINT 0.25 % .....	38	diclofenac epolamine PTCH EX ...	36
DELSTRIGO .....	28	desvenlafaxine succinate .....	13	diclofenac potassium TABS 50 MG .	3
demeclocycline hcl TABS .....	58	dexamethasone ELIX .....	33	diclofenac sodium (actinic keratoses)	EX .....
DENGVAXIA .....	61	DEXAMETHASONE INTENSOL		EX .....	36
DEPO-ESTRADIOL .....	43	CONC .....	33	diclofenac sodium (ophth) .....	55
DEPO-MEDROL SUSP .....	33	dexamethasone sodium phosphate		diclofenac sodium (topical) GEL EX	36
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY		(ophth) .....	54	diclofenac sodium TB24 .....	3
SC .....	33	dexamethasone SOLN .....	33	diclofenac sodium TBEC .....	3
DESCOVY 200 MG-25 MG .....	28	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75		diclofenac w/ misoprostol TBEC ...	3
desipramine hcl TABS .....	13	MG .....	33	dicloxacillin sodium .....	56
desloratadine TABS .....	17	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5		dicyclomine hcl CAPS .....	59
desloratadine TBDP 2.5 MG .....	17	MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	33	dicyclomine hcl SOLN PO .....	59
desmopressin acetate SOLN IJ ...	42	dexlansoprazole .....	59	dicyclomine hcl TABS .....	59
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN		dexmethylphenidate hcl CP24 .....	1	DIFFERIN LOTN .....	35
NA .....	42	dexmethylphenidate hcl TABS .....	1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin)	47
desmopressin acetate spray .....	42	dextroamphetamine sulfate CP24 10		DIFLORASONE diacetate CREA .....	38
desmopressin acetate spray		MG, 15 MG .....	1	diflunisal TABS .....	5
refrigerated 0.01 % .....	42	dextroamphetamine sulfate CP24 5		difluprednate .....	55
desmopressin acetate TABS 0.1 MG		MG .....	1	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML ....	31
42		dextroamphetamine sulfate TABS 2.5		digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG,	31
desmopressin acetate TABS 0.2 MG		MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .		1	
42		1		dihydroergotamine mesylate SOLN IJ	49
desogestrel & ethinyl estradiol ....	32	dextroamphetamine sulfate TABS 5		1 MG/ML .....	49
desogestrel-ethinyl estradiol		MG, 10 MG .....	1	dihydroergotamine mesylate SOLN	NA 4 MG/ML .....
(biphasic) .....	32	DIACOMIT CAPS 250 MG .....	11	NA 4 MG/ML .....	49
desogestrel-ethinyl estradiol		DIACOMIT CAPS 500 MG .....	11	DILANTIN (phenytoin sodium	extended) .....
(triphasic) .....	32	DIACOMIT PACK 250 MG .....	11	extended) .....	12
desonide CREA .....	38	DIACOMIT PACK 500 MG .....	11	DILANTIN .....	12
desonide LOTN .....	38	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11		
desonide OINT .....	38	diazepam CONC .....	8		
desoximetasone CREA 0.25 % .....	38	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML ....	8		
		diazepam TABS .....	8		

DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) .....	12	divalproex sodium TBEC .....	12	MG, 75 MG .....	58
DILANTIN SUSP (phenytoin) .....	12	docetaxel CONC 20 MG/ML .....	25	doxycycline hyclate CAPS .....	58
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	docusate calcium .....	47	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	58
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	30	docusate sodium CAPS 100 MG ..	47	doxylamine-pyridoxine TBEC .....	16
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG .....	30	docusate sodium CAPS 250 MG ..	47	dronabinol CAPS .....	16
diltiazem hcl CP12 .....	30	dofetilide .....	8	drosiprenone-ethinyl estradiol .....	32
diltiazem hcl CP24 .....	30	donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	57	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium .....	32
diltiazem hcl extended release beads .....	30	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG .....	57	DROXIA CAPS .....	45
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	30	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	57	DUAVEE .....	42
DILTIAZEM HCL SOLR .....	30	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 57		DULERA .....	9
diltiazem hcl TABS .....	30	dorzolamide hcl .....	55	duloxetine hcl CPEP .....	13
diltiazem hcl TB24 .....	30	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	54	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 39	
dimethyl fumarate CDPK .....	57	DOVATO .....	28	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	39
dimethyl fumarate CPDR .....	57	doxazosin mesylate .....	19	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 39	
DIPENTUM .....	43	doxepin hcl (antipruritic) .....	36	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	39
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 17		doxepin hcl (sleep) .....	46	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	47
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML .....	17	doxepin hcl CAPS .....	13	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC .....	47
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML .....	17	doxepin hcl CONC .....	13	DUREX TROPICAL MISC .....	47
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	15	doxercalciferol CAPS .....	42	dutasteride .....	44
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	doxercalciferol SOLN .....	42	dutasteride-tamsulosin hcl .....	44
dipyridamole .....	45	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG .....	24	econazole nitrate CREA .....	35
disopyramide phosphate CAPS .....	8	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG .....	58	EDARBI .....	19
disulfiram .....	56	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	58	EDURANT .....	28
DIURIL SUSP .....	41	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG .....	58	efavirenz CAPS 200 MG .....	28
divalproex sodium TB24 .....	12	doxycycline (monohydrate) TABS 50		efavirenz CAPS 50 MG .....	28
		doxycycline (monohydrate) TABS 50		efavirenz TABS .....	28

efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	28	emtricitabine CAPS .....	28	MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	10
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	28	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate .....	28	entacapone .....	26
ELAPRASE .....	42	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG .....	28	entecavir TABS .....	29
electrolyte-148 .....	50	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG .....	28	EPIDIOLEX .....	11
electrolyte-a .....	50	EMTRIVA SOLN .....	28	epinastine hcl (ophth) .....	55
ELESTRIN GEL .....	43	EMVERM CHEW .....	7	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	63
eletriptan hydrobromide .....	49	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 19		eplerenone .....	20
ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	23	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 19		epoprostenol sodium .....	31
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	23	enalapril maleate TABS .....	18	eptifibatide 200 MG/100ML .....	45
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK .....	10	ENBREL MINI SOCT .....	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 52	
ELIQUIS TABS .....	10	ENBREL SOLN .....	4	EQUETRO 100 MG .....	26
ELLA .....	33	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4	EQUETRO 200 MG .....	26
ELMIRON CAPS .....	44	ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4	EQUETRO 300 MG .....	26
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG .....	46	ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4	ERBITUX .....	23
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG .....	46	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	61	ergocalciferol CAPS .....	63
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	49	ENGERIX-B SUSY .....	61	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML .....	63
EMBECTA PEN NEEDLE NANO .	49	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	10	ergoloid mesylates TABS .....	57
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN .....	49	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	10	ERGOMAR SUBL .....	49
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE .....	49	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML .....	10	ergotamine w/ caffeine TABS .....	49
EMCYT .....	23	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	10	eribulin mesylate .....	25
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 49		enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	10	ERIVEDGE .....	23
EMGALITY SOAJ .....	49	enoxaparin sodium SOSY 80		ERLEADA 240 MG .....	23
EMGALITY SOSY .....	49			ERLEADA 60 MG .....	23
EMSAM .....	13			erlotinib hcl .....	23
				ERTACZO .....	35
				ertapenem sodium IJ .....	20
				erythromycin (acne aid) PADS ....	35
				erythromycin (acne aid) SOLN ....	35
				erythromycin (ophth) .....	54

erythromycin base CPEP .....	47	ethambutol hcl TABS .....	21	FANAPT TITRATION PACK A .....	27
erythromycin base TABS .....	47	ethosuximide CAPS .....	12	FANTASY LUBRICATED MISC ...	47
erythromycin base TBEC .....	47	ethosuximide SOLN .....	12	FANTASY	
erythromycin ethylsuccinate SUSR		ethynodiol diacet & eth estrad	32	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
47		etodolac CAPS .....	3	47	
erythromycin ethylsuccinate TABS	47	etodolac TABS .....	3	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	
escitalopram oxalate SOLN .....	13	etonogestrel-ethinyl estradiol	33	.....	15
escitalopram oxalate TABS .....	13	ETOPOPHOS .....	25	FASENRA PEN SOAJ .....	8
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400		etoposide CAPS .....	25	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML ...	8
MG, 600 MG, 800 MG .....	11	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100		FASENRA SOSY 30 MG/ML .....	8
esomeprazole magnesium CPDR 20		MG/5ML, 500 MG/25ML .....	25	FC2 FEMALE CONDOM .....	47
MG .....	59	etravirine 100 MG .....	28	febuxostat .....	45
esomeprazole magnesium CPDR 40		etravirine 200 MG .....	28	felbamate SUSP .....	12
MG .....	59	EUCRISA .....	39	felbamate TABS 400 MG .....	12
esomeprazole magnesium TBEC .	59	EVAMIST SOLN .....	43	felbamate TABS 600 MG .....	12
estazolam .....	46	everolimus (immunosuppressant)		felodipine .....	30
esterified estrogens &		0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	51	FEMCAP DEVI .....	47
methyltestosterone .....	42	everolimus (immunosuppressant) 1		FEMLYV TBDP .....	32
estradiol & norethindrone acetate		MG .....	51	FEMRING .....	63
TABS .....	43	everolimus TABS .....	24	fenofibrate micronized 43 MG, 67	
estradiol GEL .....	43	EVEXITHROID TABS 180 MG ...	58	MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	18
estradiol PTTW .....	43	EVOTAZ .....	28	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
estradiol PTWK .....	43	exemestane .....	23	MG, 160 MG .....	18
estradiol TABS .....	43	ezetimibe .....	18	fenopropfen calcium TABS .....	3
estradiol vaginal CREA .....	63	ezetimibe-simvastatin .....	17	FENSOLVI (6 MONTH) SC .....	42
estradiol vaginal TABS .....	63	famciclovir 125 MG, 250 MG .....	29	fantanyl citrate LPOP .....	5
estradiol valerate .....	43	famciclovir 500 MG .....	29	fantanyl PT72 12 MCG/HR, 25	
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR ..	63	famotidine in nacl SOLN .....	59	MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR,	
estrogens, conjugated TABS 0.3 MG,		famotidine SUSR .....	59	100 MCG/HR .....	5
0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25		famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	59	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15	
MG .....	43	FANAPT .....	27	MG/ML .....	46
eszopiclone .....	46			ferrous sulfate TABS 325 MG, 65	
ethacrynic acid .....	41			MG, 325 MG .....	46

ferrous sulfate TBEC 325 MG	46	61	flurandrenolide CREA	38	
fesoterodine fumarate	60	FLULAVAL SUSY	61	flurandrenolide LOTN	38
FETZIMA CP24	13	FLUMIST	61	flurazepam hcl	46
FETZIMA TITRATION C4PK	13	FLUMIST QUADRIVALENT	61	flurbiprofen sodium	55
fidaxomicin TABS 200 MG	47	flunisolide (nasal)	53	flurbiprofen TABS	3
finasteride	44	fluocinolone acetonide (otic)	56	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	9
fingolimod hcl	57	fluocinolone acetonide CREA 0.01 %	38	fluticasone furoate-vilanterol	9
FIRMAGON (240 MG DOSE)	23	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	38	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9
FIRMAGON 80 MG	23	fluocinolone acetonide OIL	38	fluticasone propionate (nasal) SUSP	53
flavoxate hcl	60	fluocinolone acetonide OINT	38	fluticasone propionate CREA 0.05 %	38
flecainide acetate	8	fluocinolone acetonide SOLN	38	fluticasone propionate hfa	9
floxuridine	22	fluocinonide CREA 0.05 %	38	fluticasone propionate LOTN	38
FLUAD	61	fluocinonide CREA 0.1 %	38	fluticasone propionate OINT	38
FLUAD QUADRIVALENT	61	fluocinonide emulsified base	38	fluticasone-salmeterol AEPB	9
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	61	fluocinonide GEL	38	fluticasone-salmeterol AERO	9
FLUARIX SUSY	61	fluocinonide OINT	38	fluvastatin sodium CAPS 20 MG	18
FLUBLOK QUADRIVALENT	61	fluocinonide SOLN	38	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	18
FLUBLOK SOSY	61	fluorometholone (ophth) SUSP	55	fluvoxamine maleate TABS	13
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	61	fluorouracil (topical) CREA 5 %	36	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	61
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	61	fluorouracil (topical) SOLN	36	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	61
FLUCELVAX SUSP	61	fluorouracil 500 MG/10ML	22	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	61
FLUCELVAX SUSY	61	fluoxetine hcl CAPS	13	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	61
fluconazole SUSR	17	fluoxetine hcl CPDR	13	FLUZONE SUSP	61
fluconazole TABS	17	fluoxetine hcl SOLN	13	FLUZONE SUSY	61
flucytosine	16	fluoxetine hcl TABS	13	FML FORTE SUSP	55
fludarabine phosphate SOLN	22	fluphenazine hcl CONC	27		
fludarabine phosphate SOLR	22	fluphenazine hcl ELIX	27		
fludrocortisone acetate TABS	34	fluphenazine hcl SOLN	27		
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY		fluphenazine hcl TABS	27		

folic acid TABS .....	45	FREESTYLE LIBRE READER .....	49	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML ....	2
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 10		frovatriptan succinate .....	49	GENVOYA .....	28
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 10		FT PRENATAL TABS .....	52	GILOTRIF .....	23
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .10		fulvestrant SOSY .....	23	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 57	
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 10		furosemide SOLN IJ 10 MG/ML ...	41	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 57	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST .....	40	furosemide TABS .....	41	GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ..	22
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON .....	40	FUZEON SOLR .....	28	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine) .....	22
formoterol fumarate NEBU .....	9	gabapentin CAPS .....	11	glimepiride 1 MG, 2 MG .....	15
FOSAMAX PLUS D .....	41	gabapentin SOLN .....	11	glimepiride 4 MG .....	15
fosamprenavir calcium TABS .....	28	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 11		glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....	15
fosfomycin tromethamine .....	21	galantamine hydrobromide CP24 .	57	glipizide TB24 .....	15
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide .....	19	galantamine hydrobromide SOLN .	57	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....	14
fosinopril sodium .....	18	galantamine hydrobromide TABS .	57	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....	14
fosphenytoin sodium .....	12	ganciclovir sodium SOLR .....	29	GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....	40
FRAGMIN SOSY .....	10	ganirelix acetate .....	42	glucagon SOLR IJ 1 MG .....	14
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER .....	48	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML .....	61	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....	15
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR .....	48	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML .....	61	glyburide TABS .....	15
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR .....	48	gatifloxacin (ophth) .....	54	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....	14
FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	48	gefitinib .....	23	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....	14
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	48	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	22	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	44
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR .....	49	gemfibrozil TABS .....	18	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 59	
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	49	GENOTROPIN CART SC .....	42	glycopyrrolate TABS 1 MG .....	59
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	49	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	42	glycopyrrolate TABS 2 MG .....	59
		gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2	GLYXAMBI .....	14
		gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	54		
		gentamicin sulfate (topical) CREA .	35		
		gentamicin sulfate (topical) OINT ..	35		

GNP PRENATAL TABS .....	52	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	10	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG .....	6
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS .....	52	HEPLISAV-B SOSY .....	62	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	6
GOHIBIC .....	45	HIBERIX SOLR IJ .....	60	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG .....	6
GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	40	HUMATROPE CART IJ .....	42	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG .....	6
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	16	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT .....	3	hydrocortisone (intrarectal) .....	7
granisetron hcl TABS .....	16	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT .....	3	hydrocortisone (rectal) EX .....	7
GRASTEK SUBL .....	2	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT .....	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % .....	39
griseofulvin microsize SUSP .....	16	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT .....	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 39	
griseofulvin microsize TABS .....	17	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC ...	15	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % .....	39
griseofulvin ultramicrosize .....	17	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC .....	15	hydrocortisone acetate (rectal) .....	7
guanfacine hcl (adhd) .....	1	HYCAMTIN CAPS .....	26	hydrocortisone butyrate CREA ....	39
guanfacine hcl .....	19	hydralazine hcl SOLN .....	20	hydrocortisone butyrate OINT .....	39
GYNAZOLE-1 .....	62	hydralazine hcl TABS .....	20	hydrocortisone butyrate SOLN ....	39
HAEGARDA SOLR SC .....	45	hydrochlorothiazide CAPS .....	41	hydrocortisone sod succinate 100 MG .....	33
halcinonide CREA .....	38	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 41		hydrocortisone TABS .....	33
halobetasol propionate CREA .....	38	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG .....	41	hydrocortisone vaginal .....	63
halobetasol propionate OINT .....	38	hydrocodone bitartrate CP12 .....	5	hydrocortisone valerate CREA ....	39
HALOG OINT .....	38	hydrocodone bitartrate T24A .....	5	hydrocortisone valerate OINT .....	39
haloperidol decanoate .....	27	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .	34	hydrocortisone w/acetic acid .....	56
haloperidol lactate CONC .....	27	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML .....	6	hydromorphone hcl LIQD .....	5
haloperidol lactate SOLN .....	27	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML .....	6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	
haloperidol TABS .....	27			hydromorphone hcl TABS .....	5
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML .....	61				
HEALON PRO SOSY .....	55				
HEMANGEOL SOLN PO .....	30				
HEMATINIC/FOLIC ACID .....	46				
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 10					

hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	imatinib mesylate TABS ..... 24	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 53
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG .....5	imipramine hcl TABS .....13	ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 8
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 21	imipramine pamoate .....13	ipratropium-albuterol SOLN .....9
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 21	imiquimod 5 % ..... 39	irbesartan .....19
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 21	IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML ..... 49	irbesartan-hydrochlorothiazide ....19
hydroxyurea .....25	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML .....50	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML .....26
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .. 8	INCRELEX ..... 42	irrigation solutions, physiological ..52
hydroxyzine hcl SYRP .....8	INCRUSE ELLIPTA .....8	ISENTRESS CHEW ..... 28
hydroxyzine hcl TABS .....8	indapamide TABS 1.25 MG ..... 41	ISENTRESS HD TABS ..... 28
hydroxyzine pamoate CAPS .....8	indapamide TABS 2.5 MG ..... 41	ISENTRESS TABS ..... 28
HYPERSAL NEBU .....34	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	ISOLYTE-P IN D5W .....50
HYQVIA ..... 56	indomethacin CPCR ..... 4	ISOLYTE-S .....50
ibandronate sodium SOLN ..... 41	INFANRIX ..... 59	isoniazid SOLN ..... 22
ibandronate sodium TABS .....41	INFLECTRA SOLR ..... 43	isoniazid SYRP ..... 22
IBRANCE CAPS .....24	INLYTA ..... 22	isoniazid TABS .....22
IBRANCE TABS ..... 24	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 15	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG ..... 7
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML .....3	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 15	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 31
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG .. 4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN ..... 15	isosorbide mononitrate TABS .....7
ibuprofen TABS 800 MG .....3	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN .....15	isosorbide mononitrate TB24 .....7
icatibant acetate SOSY .....45	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN .....15	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....35
ICLUSIG .....24	INSULIN LISPRO SOLN IJ ..... 15	isradipine CAPS ..... 30
icosapent ethyl 1 GM ..... 17	INTELENCE 25 MG .....28	itraconazole CAPS .....17
idarubicin hcl 20 MG/20ML ..... 24	IONOSOL-MB IN D5W .....50	itraconazole SOLN .....17
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....24	IPOL IJ ..... 62	ivabradine hcl TABS ..... 31
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML ..... 22	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 53	ivermectin (pediculicide) ..... 40
ifosfamide SOLR .....22		ivermectin .....7
		IXEMPRA KIT 15 MG .....26

JAKAFI .....	24	MISC .....	47	lactated ringer's (irrigation) .....	52
JANUMET TABS .....	14	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC .	47	lactic acid (ammonium lactate) CREA	39
JANUMET XR TB24 1000 MG-100		KIMONO MISC .....	48	lactic acid (ammonium lactate) LOTN	
MG .....	14	KIMONO PLUS MISC .....	47	12 % .....	39
JANUMET XR TB24 1000 MG-50		KIMONO PS MISC .....	47	lactulose (encephalopathy) .....	44
MG, 500 MG-50 MG .....	14	KIMONO PS PLUS MISC .....	47	lactulose SOLN .....	47
JANUVIA .....	14	KIMONO SENSATION MISC .....	48	lamivudine (hbv) TABS .....	29
JARDIANCE .....	15	KIMONO SENSATION PLUS MISC		lamivudine SOLN .....	28
JULUCA .....	28	47		lamivudine TABS 150 MG .....	28
JYNNEOS .....	62	KIMONO SPECIAL DEVI .....	48	lamivudine TABS 300 MG .....	28
KALETRA SOLN .....	28	KINRIX SUSY .....	59	lamivudine-zidovudine .....	28
KALYDECO TABS .....	58	KISQALI (200 MG DOSE) .....	24	lamotrigine CHEW 25 MG .....	11
KAMELEON LUBRICATED MISC .	47	KISQALI (400 MG DOSE) .....	24	lamotrigine CHEW 5 MG .....	11
KANJINTI .....	23	KISQALI (600 MG DOSE) .....	24	lamotrigine TABS .....	11
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40		KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .	24	lamotrigine TBDP .....	11
MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in		24		LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....	31
dextrose & sodium chloride) .....	50	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .	24	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	50	24		MCG, 250 MCG (digoxin) .....	31
ketoconazole (topical) CREA .....	35	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .	24	lansoprazole CPDR 15 MG .....	59
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	35	24		lansoprazole CPDR 30 MG .....	59
ketoconazole .....	17	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		lanthanum carbonate CHEW .....	44
KETONE TEST STRP .....	40	TABS .....	52	lapatinib ditosylate .....	24
ketoprofen CAPS 50 MG .....	4	KRINTAFEL .....	21	LASTACRAFT .....	55
ketorolac tromethamine (ophth) ...	55	KYLEENA .....	33	latanoprost SOLN .....	55
ketorolac tromethamine TABS .....	4	KYPROLIS .....	24	leflunomide .....	4
KETOSTIX STRP .....	40	labetalol hcl SOLN .....	30	LEMTRADA .....	57
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	30	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	
55		30		15 MG, 25 MG .....	51
KEVZARA SOAJ .....	3	labetalol hcl TABS 300 MG .....	30	lenalidomide 20 MG .....	51
KEVZARA SOSY .....	3	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50		LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .	22
KIMONO COLORS DEVI .....	47	MG/5ML, 100 MG/10ML .....	11		
KIMONO MAXX-LARGE FLARE		lacosamide TABS .....	11		

LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .22	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 43	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .22		lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .22	levofloxacin TABS 500 MG ..... 43	
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 32	lisinopril & hydrochlorothiazide .... 19
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG ..... 33	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG ..... 18
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) .. 23	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) ..... 32	lithium ..... 26
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) .. 23	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG ..... 32	lithium carbonate CAPS ..... 26
letrozole ..... 23	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) ..... 32	lithium carbonate TABS ..... 26
leucovorin calcium SOLR ..... 25		lithium carbonate TBCR ..... 26
leucovorin calcium TABS ..... 25		LO LOESTRIN FE TABS ..... 32
LEUKERAN ..... 22	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 32	lofexidine hcl ..... 56
LEUKINE SOLR IJ ..... 46		LOKELMA ..... 52
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML ..... 23	levorphanol tartrate TABS 2 MG .... 5	lomustine 10 MG ..... 22
levabuterol hcl ..... 9	levothyroxine sodium TABS ..... 58	lomustine 40 MG, 100 MG ..... 22
levabuterol tartrate ..... 9	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 52	loperamide hcl CAPS ..... 16
levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML ..... 11	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 52	lopinavir-ritonavir SOLN ..... 28
levetiracetam TABS 1000 MG ..... 11	lidocaine hcl GEL 2 % ..... 39	lopinavir-ritonavir TABS ..... 28
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG ..... 11	lidocaine hcl PRSY ..... 39	LOQTORZI ..... 23
levetiracetam TABS 500 MG ..... 11	lidocaine hcl SOLN ..... 39	loratadine CAPS ..... 17
levetiracetam TB24 ..... 11	lidocaine PTCH 5 % ..... 39	loratadine CHEW ..... 17
levobunolol hcl 0.5 % ..... 54	lidocaine-prilocaine CREA ..... 39	loratadine SOLN ..... 17
levocetirizine dihydrochloride SOLN 17	LILETTA (52 MG) ..... 33	loratadine TABS ..... 17
levocetirizine dihydrochloride TABS 17	lincomycin hcl ..... 20	loratadine TBDP ..... 17
levofloxacin (ophth) 0.5 % ..... 54	linezolid SUSR ..... 21	lorazepam CONC ..... 8
levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 43	linezolid TABS ..... 21	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG .... 8
levofloxacin SOLN PO ..... 43	LINZESS ..... 44	lorazepam TABS 1 MG ..... 8
	liothyronine sodium SOLN ..... 58	LORBRENA ..... 24
	liothyronine sodium TABS ..... 59	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG ..... 19
	liraglutide ..... 14	

losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 19	MATRONEX TABS ..... 52	MENOSTAR PTWK ..... 43
losartan potassium ..... 19	MATULANE ..... 25	MENQUADFI 0.5 ML ..... 60
LOTEMAX OINT ..... 55	MAXIDEX SUSP OP ..... 55	MENVEO SOLN ..... 60
loteprednol etabonate GEL ..... 55	MAXX MISC ..... 48	MENVEO SOLR ..... 60
loteprednol etabonate SUSP ..... 55	MAXX PLUS MISC ..... 48	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML ..... 5
loteprednol etabonate-tobramycin 55	meclizine hcl TABS 12.5 MG ..... 16	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML ..... 5
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 18	meclizine hcl TABS 25 MG ..... 16	meperidine hcl TABS 50 MG ..... 5
lovastatin TABS 40 MG ..... 18	meclofenamate sodium CAPS ..... 4	meprobamate ..... 8
loxapine succinate ..... 27	MEDROL TABS ..... 33	mercaptopurine TABS ..... 22
lubiprostone ..... 43	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM ..... 33	mesalamine CP24 ..... 43
luliconazole ..... 36	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM ..... 33	mesalamine CPDR ..... 43
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG .... 25	medroxyprogesterone acetate 10 MG ..... 56	mesalamine ENEM ..... 44
LUMAKRAS 320 MG ..... 25	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG ..... 56	mesalamine SUPP ..... 44
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM ..... 23	mefenamic acid CAPS ..... 4	mesalamine TBEC 1.2 GM ..... 44
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM ..... 23	mefloquine hcl ..... 21	mesalamine TBEC 800 MG ..... 44
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 23	megestrol acetate (appetite) ..... 56	metaxalone 800 MG ..... 53
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 23	megestrol acetate SUSP ..... 23	metformin hcl TABS 1000 MG ..... 14
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG ..... 27	megestrol acetate TABS ..... 23	metformin hcl TABS 500 MG ..... 14
lurasidone hcl 80 MG ..... 26	MEKINIST SOLR ..... 25	metformin hcl TABS 850 MG ..... 14
LYNPARZA TABS ..... 25	MEKINIST TABS 0.5 MG ..... 25	metformin hcl TB24 500 MG ..... 14
LYSODREN ..... 23	MEKINIST TABS 2 MG ..... 25	metformin hcl TB24 750 MG ..... 14
mafenide acetate PACK ..... 37	meloxicam TABS ..... 4	methadone hcl CONC ..... 5
malathion ..... 40	melphalan ..... 22	METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl) ..... 5
maraviroc TABS 150 MG ..... 28	melphalan hcl IV ..... 22	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML . 5
maraviroc TABS 300 MG ..... 28	memantine hcl TABS ..... 57	methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML ..... 5
MARPLAN ..... 13	MENACTRA ..... 60	methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5
MASONATAL TABS ..... 52	MENEST 2.5 MG ..... 43	methadone hcl TABS ..... 5

methadone hcl TBSO .....	5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG .....	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	40
methamphetamine hcl .....	1	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG .....	2	metronidazole (topical) LOTN .....	40
methazolamide TABS .....	40	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG .....	2	metronidazole TABS 250 MG, 500 MG .....	20
methenamine hippurate .....	21	methylphenidate PTCH .....	2	metronidazole vaginal .....	62
methimazole TABS .....	58	methylprednisolone acetate SUSP	33	mexiletine hcl .....	8
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG .....	53	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	34	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG .....	62
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML .....	22	methylprednisolone TABS .....	34	midodrine hcl .....	63
methotrexate sodium SOLR .....	22	methylprednisolone TBPK .....	34	miglitol .....	13
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 22		methyltestosterone TABS .....	7	miglustat .....	45
methoxsalen rapid .....	37	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML .....	43	minocycline hcl CAPS .....	58
methscopolamine bromide .....	59	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	43	minocycline hcl TABS .....	58
methsuximide .....	12	metoclopramide hcl TABS .....	43	minoxidil 2.5 MG, 10 MG .....	20
methyldopa TABS .....	19	metolazone .....	41	mirabegron TB24 .....	60
methylphenidate hcl CHEW 10 MG .1		metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG .....	19	MIRCERA .....	46
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1		metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG .....	19	MIRENA (52 MG) .....	33
methylphenidate hcl CHEW 5 MG .. 1		metoprolol succinate TB24 200 MG 30		mirtazapine TABS .....	12
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG .....	1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	30	mirtazapine TBDP .....	12
methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 1		metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML .....	30	misoprostol .....	60
methylphenidate hcl CP24 .....	1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	30	mitomycin SOLR IV 20 MG .....	24
methylphenidate hcl CPR .....	2	metronidazole (topical) CREA .....	40	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	24
methylphenidate hcl SOLN .....	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 40		MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER .....	33
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG .....	2			M-M-R II SOLR .....	62
methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2				M-NATAL PLUS TABS .....	52
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG .....	2			MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 62	
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG .....	2			modafinil 100 MG .....	2
				modafinil 200 MG .....	2
				MODERNA COVID-19 BIVALENT 62	

MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP .....	62	MULTI PRENATAL TABS .....	52	NEBUSAL NEBU .....	34
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY .....	62	mupirocin OINT .....	35	nefazodone hcl .....	13
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP .....	62	MVASI .....	23	nelarabine .....	22
moexipril hcl .....	18	MYALEPT .....	42	neomycin sulfate TABS .....	2
mometasone furoate (nasal) SUSP 53		mycophenolate mofetil CAPS .....	51	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	54
mometasone furoate CREA .....	39	mycophenolate mofetil TABS .....	51	neomycin-polymy-dexameth OINT	55
mometasone furoate OINT .....	39	mycophenolate sodium .....	51	neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 % .....	55
mometasone furoate SOLN .....	39	MYLERAN TABS .....	22	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	55
montelukast sodium CHEW .....	9	nabumetone .....	4	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	55
montelukast sodium PACK .....	9	nadolol TABS 20 MG .....	30	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	56
montelukast sodium TABS .....	9	nadolol TABS 40 MG .....	30	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .....	52
morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	5	nadolol TABS 80 MG .....	30	NEONATAL PLUS TABS .....	52
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....	5	naloxone hcl LIQD .....	16	NEONATAL PRENATAL TABS ...	52
morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML .....	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML .....	16	NEONATAL VITAMIN TABS .....	52
morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML .....	5	naltrexone hcl .....	16	neostigmine methylsulfate SOSY .	21
morphine sulfate TABS .....	5	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	NEO-SYNALAR .....	35
morphine sulfate TBCR .....	5	naproxen SUSP .....	4	NEUPRO .....	26
MOTOFEN .....	16	naproxen TABS .....	4	NEVANAC .....	55
MOVANTIK .....	44	naproxen TBEC 500 MG .....	4	nevirapine SUSP .....	28
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	54	naratriptan hcl .....	50	nevirapine TABS .....	28
moxifloxacin hcl in sodium chloride 43		NATACYN .....	54	nevirapine TB24 400 MG .....	28
moxifloxacin hcl TABS .....	43	NATAZIA .....	32	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG .....	59
MRESVIA .....	62	nateglinide .....	15	NEXPLANON .....	33
		NAYZILAM .....	11	NEXTSTELLIS .....	32
		nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 30		niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	18
		nebivolol hcl 20 MG .....	30		

niacin CPCR 250 MG, 500 MG	63	nitroglycerin PT24	7	NORMOSOL-M IN D5W	50
NIACIN ER TBCR	63	NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORMOSOL-R PH 7.4	50
niacin TABS	63	nitroglycerin SUBL	8	nortriptyline hcl CAPS	13
niacin TBCR	63	NIVA-PLUS TABS	52	nortriptyline hcl SOLN	13
niacinamide TABS 100 MG	63	nizatidine CAPS	59	NORVIR CAPS	28
niacinamide TABS 500 MG	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	42	NORVIR PACK	28
nicardipine hcl CAPS	30	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	42	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 40	
nicardipine hcl SOLN	30	norelgestromin-ethinyl estradiol	33	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	62
NICOTINE KIT	58	norethin acet & estrad-fe CAPS	32	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	62
nicotine polacrilex GUM	58	norethin acet & estrad-fe CHEW	32	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	15
nicotine polacrilex LOZG	58	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	32	NOVOLIN 70/30 SUSP	15
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	58	norethindrone & eth estradiol	32	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	15
NICOTROL INHA	58	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 32		NOVOLIN N SUSP	15
NICOTROL NS SOLN	58	norethindrone (contraceptive)	33	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	15
nifedipine CAPS 10 MG	30	norethindrone acet & eth estra TABS 33		NOVOLIN R SOLN IJ	15
nifedipine CAPS 20 MG	30	norethindrone acetate TABS	56	NOVOLOG FLEXPEN SOPN	15
nifedipine TB24	30	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	43	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	15
nilutamide	24	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	33	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	15
nimodipine CAPS	30	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	33	NOVOLOG PENFILL SOCT	15
NIPENT	25	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	33	NOVOLOG SOLN IJ	15
nisoldipine	30	norgestimate-ethinyl estradiol	33	NP THYROID TABS	59
nitazoxanide TABS	20	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	33	NUBEQA	24
nitisinone CAPS	42			NUEDEXTA	57
NITRO-BID OINT	7			NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	62
nitrofurantoin	21			nystatin (mouth-throat)	52
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	21			nystatin (topical) CREA	36
nitrofurantoin monohyd macro	21			nystatin (topical) OINT	36
nitroglycerin (intra-anal)	7				
nitroglycerin CPCR	7				

nystatin (topical) POWD EX	36	omeprazole TBEC	59	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4
nystatin TABS	17	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	60	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4
nystatin-triamcinolone CREA	36	OMNIFLEX DIAPHRAGM	48	oxacillin sodium IJ 1 GM	56
nystatin-triamcinolone OINT	36	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML 16		oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	22
NYVEPRIA	46	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	16	oxaprozin TABS	4
octreotide acetate SOLN	42	ondansetron hcl SOSY	16	oxazepam CAPS	8
ODEFSEY	28	ondansetron hcl TABS 24 MG	16	oxcarbazepine SUSP	11
ODOMZO	23	ondansetron hcl TABS 4 MG	16	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	11
OFEV	58	ondansetron hcl TABS 8 MG	16	oxcarbazepine TABS 600 MG	11
ofloxacin (ophth)	54	ondansetron TBDP 4 MG	16	oxiconazole nitrate CREA	36
ofloxacin (otic)	55	ondansetron TBDP 8 MG	16	OXISTAT LOTN	36
ofloxacin 300 MG, 400 MG	43	ONE VITE WOMENS PLUS TABS 52		oxybutynin chloride SOLN	60
OGIVRI	23	ONE VITE WOMENS TABS	52	oxybutynin chloride TABS 5 MG	60
olanzapine SOLR	27	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	49	oxybutynin chloride TB24	60
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	27	OPILL	33	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	27	ORENITRAM TBCR	31	oxycodone hcl TABS	6
olanzapine TBDP 20 MG	27	ORGOVYX	24	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	27	ORILISSA	42	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	6
olmesartan medoxomil	19	ORKAMBI PACK	58	oxymorphone hcl TABS	6
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	19	ORKAMBI TABS	58	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	19	ORLADEYO	45	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6
olopatadine hcl (nasal)	53	orphenadrine citrate TB12	53	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	14
olopatadine hcl 0.1 %	55	oseltamivir phosphate CAPS	29	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15
olopatadine hcl 0.2 %	55	oseltamivir phosphate SUSR	29		
omega-3-acid ethyl esters	17	OSPHENA	42		
omeprazole CPDR	59	OTEZLA TABS	4		
omeprazole magnesium CPDR	59	OTEZLA TBPK	4		

OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML .....	15	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....	47	perphenazine-amitriptyline .....	57
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	15	PEGASYS SOLN .....	29	PERSERIS PRSY .....	27
paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....	26	PEGASYS SOSY .....	29	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 62	
paclitaxel protein-bound particles .	26	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 22		PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP .....	62
paliperidone .....	27	PENBRAYA .....	60	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP .....	62
palonosetron hcl SOLN .....	16	penciclovir .....	37	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP .....	62
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....	41	penicillamine CAPS .....	51	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP .....	62
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 41		penicillamine TABS .....	51		
PANRETIN .....	36	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .	56	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG .....	45
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 59		penicillin g potassium 5000000 UNIT 56		phendimetrazine tartrate TABS .....	1
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 60		penicillin g sodium .....	56	phenelzine sulfate .....	13
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER .....	33	penicillin v potassium SOLR .....	56	phenobarbital ELIX .....	46
paricalcitol CAPS .....	42	penicillin v potassium TABS .....	56	phenobarbital TABS .....	46
paricalcitol SOLN .....	42	PENMENVY SUSR IM .....	60	phenoxybenzamine hcl .....	18
paroxetine hcl SUSP .....	13	PENTACEL .....	59	phentermine hcl CAPS .....	1
paroxetine hcl TABS .....	13	pentamidine isethionate IN .....	20	phenytoin CHEW .....	12
paroxetine hcl TB24 .....	13	pentazocine w/ naloxone hcl .....	7	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	12
pazopanib hcl .....	25	pentoxifylline .....	45	phenytoin sodium SOLN .....	12
PEDIARIX SUSY .....	59	perampanel TABS 2 MG .....	10	phenytoin SUSP .....	12
pediatric multivitamins w/fl CHEW .	52	perampanel TABS 4 MG .....	10	PHEXX .....	63
PEDVAX HIB SUSP .....	60	perampanel TABS 6 MG .....	10	PHEXXI .....	63
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....	46	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	10	PHOTOFRIN .....	25
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 46		perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	18	PIFELTRO .....	28
		perindopril erbumine 4 MG .....	18	pilocarpine hcl (oral) .....	52
		permethrin CREA .....	40	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 54	
		permethrin LIQD EX .....	40		
		perphenazine TABS .....	27	pimecrolimus .....	39

pimozide .....	57	potassium bicarbonate TBEF .....	51	prazosin hcl CAPS .....	19
pindolol TABS .....	30	potassium chloride CPCR .....	51	PRECISION XTRA KETONE .....	40
pioglitazone hcl .....	15	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	51	PRED MILD .....	55
pioglitazone hcl-glimepiride .....	14	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L .....	50	prednisolone acetate (ophth) .....	55
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 14		potassium chloride microencapsulated crystals er ....	51	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE .....	55
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .25		potassium chloride PACK PO 20 MEQ .....	51	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML .....	34
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .25		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 51		prednisolone sodium phosphate TBDP .....	34
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .25		potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 % .....	51	prednisolone SOLN .....	34
pirfenidone CAPS .....	58	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ .....	51	prednisolone TABS .....	34
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 58		potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 44		prednisone SOLN .....	34
pirfenidone TABS 534 MG .....	58	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML .....	51	prednisone TABS 1 MG, 5 MG ....	34
piroxicam CAPS .....	4	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....	35	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG .....	34
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L .....	50	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	57	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG .....	57
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..50		pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 11		pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12
PLEGRIDY SOAJ .....	57	pralatrexate 20 MG/ML .....	22	pregabalin SOLN .....	12
PLEGRIDY SOSY IM .....	57	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG .....	26	PREHEVBRIO .....	62
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 57		pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG .....	26	PREMARIN .....	63
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC .....	57	prasugrel hcl .....	45	PREMARIN SOLR .....	43
PNEUMOVAX 23 SOLN .....	60	pravastatin sodium .....	18	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated) .....	43
PNEUMOVAX 23 SOSY .....	60	praziquantel .....	7	PREMPHASE .....	43
podofilox SOLN .....	39				
polymyxin b-trimethoprim .....	54				
POMALYST .....	24				
posaconazole SUSP .....	17				
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 51					

PREMPRO .....	43	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .	21
PRENATAL ONE DAILY TABS ....	53	8	pyridostigmine bromide TBCR .....
PRENATAL PLUS TABS .....	53	prochlorperazine .....	27
PRENATAL PLUS		prochlorperazine maleate TABS ..	27
VITAMIN/MINERAL TABS .....	53	progesterone CAPS .....	56
PRENATAL TABS .....	53	PROGRAF PACK .....	51
PRENATAL VITAMIN AND		PROGRAF SOLN 5 MG/ML	
MINERAL TABS .....	53	(tacrolimus) .....	51
PRENATAL VITAMINS TABS 100		PROLASTIN-C SOLN .....	58
MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6		PROLEUKIN .....	25
MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95		PROLIA SOSY .....	41
MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200		promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25	
MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800		MG .....	17
MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20		promethazine hcl SUPP 50 MG ...	17
MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-		promethazine hcl TABS .....	17
4000 UNIT-30 UNIT .....	53	propafenone hcl CP12 .....	8
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6		propafenone hcl TABS .....	8
MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7		proparacaine hcl .....	54
MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-		propranolol hcl CP24 .....	30
25 MG-4000 UNIT-30 UNIT .....	53	propranolol hcl SOLN IV 1 MG/ML	30
PRENATRIX TABS .....	53	propranolol hcl TABS .....	30
PRENATRYL TABS .....	53	propylthiouracil .....	58
PREVNAR 13 .....	60	PROQUAD SUSR .....	62
PREVNAR 20 .....	60	protriptyline hcl .....	13
PREZCOBIX .....	28	PROVISC SOSY .....	55
PREZISTA SUSP .....	28	prucalopride succinate .....	43
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	28	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9
PRIFTIN .....	22	PULMOZYME .....	58
primaquine phosphate TABS .....	21	pyrazinamide .....	22
primidone 50 MG, 250 MG .....	12	pyridostigmine bromide SOLN PO	21
PRIORIX SUSR .....	62	pyridostigmine bromide TABS 60 MG.	
PROAIR DIGIHALER .....	9		
PROAIR RESPICLICK AEPB .....	9		
probenecid .....	45		

ranolazine TB12 500 MG .....	7	ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	29	romidepsin SOLR .....	25
rasagiline mesylate .....	26	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	29	ropinirole hydrochloride TABS .....	26
REALITY LATEX CONDOMS MISC .	48	RIDAURA .....	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,	4 MG, 6 MG .....
REALITY LATEX/ULTRA		rifabutin .....	22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,	12 MG .....
TEXTURED DEVI .....	48	rifampin CAPS .....	22	rosuvastatin calcium TABS .....	18
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	48	rifampin SOLR .....	22	ROTARIX SUSP .....	62
REBIF REBIDOSE SOAJ .....	57	riluzole TABS .....	54	ROTATEQ SOLN .....	62
REBIF REBIDOSE TITRATION		rimantadine hydrochloride TABS ..	29	ROZLYTREK CAPS .....	25
PACK SOAJ .....	57	ringer's .....	51	RUBRACA .....	25
REBIF SOSY .....	57	ringer's irrigation .....	52	rufinamide SUSP .....	12
REBIF TITRATION PACK SOSY ..	57	RINVOQ LQ SOLN .....	2	rufinamide TABS 200 MG .....	12
RECOMBIVAX HB SUSP .....	62	RINVOQ TB24 .....	2	rufinamide TABS 400 MG .....	12
RECOMBIVAX HB SUSY .....	62	risedronate sodium TABS 150 MG	41	RUXIENCE .....	23
RELENZA DISKHALER .....	29	risedronate sodium TABS 35 MG .	41	RYBELSUS TABS .....	15
RELION KETONE TEST STRP ...	40	risedronate sodium TABS 5 MG, 30	41	sacubitril-valsartan TABS .....	31
RELION LANCET DEVICES 30G	49	MG .....	41	salsalate .....	5
RELION LANCETS .....	49	risedronate sodium TBEC .....	41	SANTYL OINT .....	39
RELION TRUE METRIX TEST		risperidone microspheres .....	27	SAVELLA TABS .....	57
STRIPS STRP .....	40	risperidone SOLN .....	27	SAVELLA TITRATION PACK MISC	57
RENFLEXIS .....	44	risperidone TABS .....	27	saxagliptin hcl .....	14
repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	15	risperidone TBDP .....	27	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-	2.5 MG .....
repaglinide 2 MG .....	15	ritonavir TABS .....	28	14	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		rivaroxaban SUSR 1 MG/ML .....	10	14	MG, 500 MG-5 MG .....
SOCT .....	18	rivaroxaban TABS 2.5 MG .....	10	14	scopolamine .....
REPATHA SOSY .....	18	rivastigmine tartrate CAPS .....	57	16	selegiline hcl CAPS .....
REPATHA SURECLICK SOAJ ....	18	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	.50	26	selegiline hcl TABS .....
RETACRIT .....	46	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	50	26	selenium sulfide LOTN 2.5 % .....
RETROVIR SOLN .....	28	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	.50	37	SELZENTRY SOLN .....
REXULTI .....	27	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	50	28	
REZVOGLAR KWIKPEN .....	15	roflumilast .....	9		

SEREVENT DISKUS	9	SM PRENATAL VITAMINS TABS	53	SOVALDI TABS 200 MG	29
sertraline hcl CONC	13	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	50	SOVALDI TABS 400 MG	29
sertraline hcl TABS	13	sodium acetate SOLN	50	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	62
sevelamer carbonate PACK	44	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	44	SPIKEVAX SUSP	62
sevelamer carbonate TABS	44	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	34	SPIKEVAX SUSY	62
SHINGRIX	62	.....	34	spinosad	40
SIGNIFOR	42	sodium citrate & citric acid	44	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	8
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	31	sodium fluoride CHEW	51	spironolactone & hydrochlorothiazide	41
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	31	sodium phenylbutyrate POWD	42	.....	41
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	31	sodium phenylbutyrate TABS	42	spironolactone TABS	41
sildenafil citrate	31	sodium polystyrene sulfonate POWD	52	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13
silodosin	45	52		SPRAVATO (84 MG DOSE)	13
silver sulfadiazine	37	sodium polystyrene sulfonate SUSP	52	stannous fluoride CONC	52
SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3	PR 30 GM/120ML	52	STELARA 130 MG/26ML	44
SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	47	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	37
SIMLANDI (2 PEN) AJKT	3	.....	47	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	37
SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	29	STELARA SOSY 90 MG/ML	37
SIMPONI ARIA SOLN	3	.....	29	STEQEYMA	44
SIMULECT	51	solifenacin succinate TABS	60	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	37
simvastatin TABS	18	SOLQUA	14	STEQEYMA 90 MG/ML	37
sirolimus TABS	51	SOLU-CORTEF 250 MG	34	STIOLTO RESPIMAT	9
SIRTURO	22	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	34	STIVARGA	25
SKYLA	33	34		streptomycin sulfate SOLR	2
SKYRIZI PEN SOAJ	37	SOLU-MEDROL 2 GM	34	STRIBILD	29
SKYRIZI SOCT	44	sorafenib tosylate	25	STRIVERDI RESPIMAT	9
SKYRIZI SOLN	44	SORBITOL 3 %	44	sucralfate SUSP	59
SKYRIZI SOSY	37	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	44	sucralfate TABS	59
SLYND	33	.....	44	sulconazole nitrate CREA	36
		sotalol hcl (afib/afI)	30	sulconazole nitrate SOLN	36
		sotalol hcl TABS 240 MG	30	sulfacetamide sodium (acne)	35
		sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	30		

sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 54	SYMTUZA .....29	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 % .....35	SYNAREL .....42	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 % .....35	SYNJARDY TABS .....14	telmisartan .....19
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....35	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....14	telmisartan-amlodipine .....19
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN .....55	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....14	telmisartan-hydrochlorothiazide ...19
sulfadiazine TABS .....58	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium) .....59	temazepam 15 MG, 30 MG .....46
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN .....20	TABLOID .....22	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG .....46
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP .....20	tacrolimus (topical) OINT .....39	TEMODAR SOLR .....22
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS .....20	tacrolimus CAPS .....51	temozolomide CAPS .....22
SULFAMYLON CREA .....37	tacrolimus SOLN 5 MG/ML .....51	temsirolimus .....25
sulfasalazine TABS .....44	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS .....31	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU .....59
sulfasalazine TBEC .....44	tadalafil 5 MG .....31	tenofovir disoproxil fumarate TABS 29
sulindac TABS .....4	TAFINLAR CAPS .....25	terazosin hcl .....19
sumatriptan .....50	TAFINLAR TBSO .....25	terbinafine hcl TABS .....17
sumatriptan succinate SOAJ .....50	tafluprost .....55	terbutaline sulfate SOLN .....9
sumatriptan succinate SOCT .....50	TAGRISSO 40 MG .....23	terbutaline sulfate TABS .....9
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....50	TAGRISSO 80 MG .....23	terconazole vaginal CREA .....62
sumatriptan succinate TABS .....50	TAKHZYRO SOLN .....45	terconazole vaginal SUPP .....63
sumatriptan-naproxen sodium ....49	TAKHZYRO SOSY .....45	teriflunomide .....57
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....25	TALZENNA .....25	teriparatide SOPN .....41
sunitinib malate 37.5 MG .....25	tamoxifen citrate TABS .....24	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML .....7
SUNOSI 150 MG .....1	tamsulosin hcl .....45	testosterone cypionate SOLN IM ...7
SUNOSI 75 MG .....1	tavorole .....36	testosterone enanthate SOLN IM ...7
	tazarotene CREA 0.1 % .....37	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP .....59
	TAZVERIK .....25	tetrabenazine .....57
	TDVAX SUSP .....59	tetracycline hcl CAPS .....58
	TEFLARO .....32	THALOMID .....51

theophylline ELIX .....	9	TOLSURA CAPS .....	17	trazodone hcl TABS .....	13
theophylline SOLN .....	9	tolterodine tartrate CP24 .....	60	TRELEGY ELLIPTA .....	9
theophylline TB12 .....	9	tolterodine tartrate TABS .....	60	TRELSTAR MIXJECT .....	24
theophylline TB24 .....	10	tolvaptan TABS .....	42	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML .....	37
THERANATAL CORE NUTRITION TABs .....	53	topiramate CPSP 15 MG .....	12	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 37	
thioridazine hcl .....	27	topiramate CPSP 25 MG .....	12	TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML .....	44
thiotepa 15 MG .....	22	topiramate CS24 .....	12	TREMFYA SOLN IV .....	44
thiothixene .....	27	topiramate TABS 200 MG .....	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML .....	37
THYMOGLOBULIN .....	51	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .....	12	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 44	
THYROGEN 0.9 MG .....	40	topiramate TABS 50 MG .....	12	TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML .....	44
tiagabine hcl .....	12	topotecan hcl SOLN .....	26	treprostinil SOLN IJ .....	31
ticagrelor 60 MG, 90 MG .....	45	topotecan hcl SOLR .....	26	TRESIBA FLEXTOUCH SOPN .....	15
timolol maleate (ophth) SOLG .....	54	toremifene citrate .....	24	TRESIBA SOLN .....	15
timolol maleate (ophth) SOLN .....	54	torsemide TABS .....	41	tretinoin (chemotherapy) .....	25
timolol maleate TABS .....	30	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan) .....	31	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	35
tinidazole .....	20	tramadol hcl TABS 50 MG .....	6	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .....	35
tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG .....	8	tramadol hcl TB24 .....	6	tretinoin microsphere 0.1 % .....	35
TIVICAY PD TBSO .....	29	tramadol-acetaminophen .....	6	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	22
TIVICAY TABS 50 MG .....	29	trandolapril 1 MG, 2 MG .....	18	triamcinolone acetonide (mouth) .....	52
tizanidine hcl CAPS .....	53	trandolapril 4 MG .....	18	triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	53
tizanidine hcl TABS .....	53	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG .....	19	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	39
tobramycin (ophth) SOLN .....	54	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG .....	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	39
tobramycin NEBU .....	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML .....	46	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	39
tobramycin-dexamethasone SUSP 55		tranexamic acid TABS .....	46		
TODAY SPONGE MISC .....	62	tranylcypromine sulfate .....	13		
tolcapone .....	26	travoprost SOLN .....	55		
tolmetin sodium CAPS .....	4	TRAZIMERA .....	23		
tolmetin sodium TABS 600 MG .....	4				

triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....39	TROJAN BARESKIN DEVI ..... 48	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 48
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 % .....39	TROJAN MAGNUM MISC ..... 48	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC ..... 48
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 % ..... 39	TROJAN ULTRA THIN MISC ..... 48	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC ..... 48
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 % ..... 39	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC ..... 48	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 48
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML ..... 34	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 48	TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC ..... 48
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG ..... 41	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 48	TRUXIMA ..... 23
triamterene & hydrochlorothiazide TABS ..... 41	tropicamide SOLN 0.5 % ..... 54	TUKYSA ..... 23
triamterene CAPS ..... 41	tropicamide SOLN 1 % ..... 54	TURALIO 125 MG ..... 25
triazolam ..... 46	trospium chloride CP24 ..... 60	TWINRIX SUSY ..... 62
TRICARE TABS ..... 53	trospium chloride TABS ..... 60	TWIRLA ..... 33
trientine hcl 250 MG ..... 51	TRUE COVER DEVI ..... 48	TYBLUME CHEW ..... 33
trifluoperazine hcl TABS ..... 27	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP ..... 40	TYBOST ..... 29
trifluridine ..... 54	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ... 49	TYMLOS ..... 41
trihexyphenidyl hcl SOLN ..... 26	TRULANCE ..... 43	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ... 31
trihexyphenidyl hcl TABS ..... 26	TRULICITY ..... 15	TYVASO SOLN IN ..... 31
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG . 14	TRUMENBA 0.5 ML ..... 60	TYVASO STARTER KIT SOLN IN 31
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG ..... 14	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC ..... 48	UBRELVY 100 MG ..... 49
TRIKAFTA TBPK ..... 58	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC ..... 48	UBRELVY 50 MG ..... 49
trimethobenzamide hcl CAPS ..... 16	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC ..... 48	UDENYCA ONBODY SOSY ..... 46
trimethoprim TABS ..... 20	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC ..... 48	UDENYCA SOAJ ..... 46
trimipramine maleate CAPS ..... 13	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC ..... 48	UDENYCA SOSY ..... 46
TRINTELLIX ..... 13	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC ..... 48	umeclidinium-vilanterol ..... 9
TRIUMEQ PD TBSO ..... 29	TRUSTEX LUBRICATED MISC ... 48	UPTRAVI TABS 200 MCG ..... 31
TRIUMEQ TABS ..... 29		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG ..... 31
		UPTRAVI TITRATION TBPK ..... 31

ursodiol CAPS .....	43	VAXNEUVANCE .....	60	VITRAKVI SOLN .....	25
ursodiol TABS .....	43	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM .....	62	VIVITROL .....	16
UVADEX .....	25	VECAMYL .....	20	VIZIMPRO .....	23
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	24	VECTIBIX 100 MG/5ML .....	23	VORAXAZE .....	25
valacyclovir hcl 1 GM .....	29	VELPHORO .....	44	voriconazole TABS .....	17
valacyclovir hcl 500 MG .....	29	venlafaxine hcl CP24 .....	13	VOSEVI .....	29
valganciclovir hcl TABS .....	29	venlafaxine hcl TABS .....	13	warfarin sodium TABS .....	10
valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML .....	12	venlafaxine hcl TB24 .....	13	water for irrigation, sterile .....	52
valproic acid CAPS .....	12	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	30	WESTAB PLUS TABS .....	53
valrubicin .....	24	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG .....	30	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60 ....	48
valsartan TABS .....	19	verapamil hcl TABS .....	30	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65 ....	48
valsartan-hydrochlorothiazide ....	20	verapamil hcl TBCR .....	30	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70 ....	48
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ....	11	VEREGEN .....	35	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75 ....	48
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML .....	11	VERZENIO .....	25	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80 ....	48
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML .....	11	vigabatrin PACK .....	12	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85 ....	48
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD ....	11	vigabatrin TABS .....	12	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90 ....	48
vancomycin hcl CAPS .....	20	vilazodone hcl TABS .....	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95 ....	48
vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	20	vincristine sulfate .....	26	XALKORI CAPS .....	25
VAQTA .....	62	vinorelbine tartrate 10 MG/ML ....	26	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML .....	62	VIRACEPT TABS 250 MG .....	29	XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban) .....	10
varenicline tartrate TABS .....	58	VIRACEPT TABS 625 MG .....	29	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10
varenicline tartrate TBPK .....	58	VIREAD POWD .....	29	XARELTO TABS 15 MG .....	10
VARIVAX SUSR .....	62	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....	29	XELJANZ SOLN .....	2
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...	16	VISTOGARD .....	16	XELJANZ TABS 10 MG .....	2
VAXELIS SUSP .....	59	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT ....	63	XELJANZ TABS 5 MG .....	2
VAXELIS SUSY .....	59	VITATHELY WITH GINGER TABS 53		XELJANZ XR TB24 .....	2
		VITRAKVI CAPS .....	25	XEOMIN .....	54
				XHANCE EXHU .....	54
				XIFAXAN 200 MG .....	20

XIFAXAN 550 MG .....	20	ZEJULA TABS .....	25	ZYDELIG .....	25
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) .....	14	ZELBORAF .....	25	ZYLET .....	55
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	14	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	40		
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	14	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	40		
XOSPATA .....	25	zidovudine CAPS .....	29		
XTANDI CAPS .....	24	zidovudine SYRP .....	29		
XTANDI TABS 40 MG .....	24	zidovudine TABS .....	29		
XTANDI TABS 80 MG .....	24	zileuton TB12 .....	9		
XULTOPHY .....	14	ziprasidone hcl .....	27		
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML ..	17	ZIRABEV .....	23		
YERVOY .....	23	ZIRGAN GEL .....	54		
YESINTEK 130 MG/26ML .....	44	ZOLADEX 10.8 MG .....	24		
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	37	ZOLADEX 3.6 MG .....	24		
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	37	zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 41			
YESINTEK SOSY 90 MG/ML .....	37	ZOLINZA .....	25		
YONSA .....	24	zolmitriptan SOLN .....	50		
YUFLYMA (1 PEN) AJKT .....	3	zolmitriptan TABS .....	50		
YUFLYMA (2 PEN) AJKT .....	3	zolmitriptan TBDP .....	50		
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT .....	3	zolpidem tartrate TABS .....	46		
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT .....	3	zolpidem tartrate TBCR .....	46		
zafirlukast .....	9	zonisamide CAPS .....	12		
zaleplon 10 MG .....	46	ZONTIVITY .....	45		
zaleplon 5 MG .....	46	ZURZUVAE .....	12		
ZALTRAP 100 MG/4ML .....	23				
ZANOSAR .....	22				
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	12				
ZARXIO .....	46				

Ambetter Health is underwritten by Ambetter Health of Pennsylvania, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Pennsylvania Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Ambetter Health of Pennsylvania, Inc., [AmbetterHealth.com/en/pa](https://AmbetterHealth.com/en/pa). For information on your right to receive an Ambetter Health plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit [AmbetterHealth.com](https://AmbetterHealth.com) and scroll to the bottom of the page.

Ambetter Health được bảo lãnh bởi Ambetter Health of Pennsylvania, Inc., đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Pennsylvania. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Ambetter Health of Pennsylvania, Inc., [AmbetterHealth.com/en/pa](https://AmbetterHealth.com/en/pa). Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter Health mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập [AmbetterHealth.com](https://AmbetterHealth.com) và cuộn xuống cuối trang.